

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỐT NỐT  
TP. CẦN THƠ**

\* \* \*

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Trung Hiếu**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Viết Ngoan**

2. Ông **Nguyễn Văn Đông**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhàn** – là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Võ Hoài Thương** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Bích N1** – sinh năm: 1997 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, thành phố D.

*Bị đơn:* Ông **Nguyễn Trọng N2** – sinh năm: 1995 (vắng mặt lần 2)

Địa chỉ: khu vực E, phường F, quận G, thành phố D.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 21/01/2022 và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N1 trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: trước đây bà và ông Nguyễn Trọng N2 do được mai mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2014 và đăng ký kết hôn ngày 22/8/2019 tại UBND phường F. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng không có con chung, thời gian gần đây vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không thể kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai không tìm được biện pháp hàn gắn tình cảm nên bà N1 yêu cầu được ly hôn với ông N2.

Về con chung: Bà N1 xác định có 01 con chung tên Nguyễn Trọng P – sinh ngày 29/5/2015, do bà N1 đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà N1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông N2 cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N1 xác định không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng N2: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông N2 không có mặt tại Tòa để giải quyết vụ án, qua xác minh thực tế chính quyền địa phương cho biết ông Nguyễn Trọng N2 có đăng ký hộ khẩu tại khu vực E, phường F, quận G và hiện vẫn còn sinh sống tại địa phương nhưng thường xuyên đi làm từ 03 đến 07 ngày mới về nhà một lần, rồi lại đi tiếp, cho nên Tòa án không thể trực tiếp ghi lời khai của ông N2 được. Tuy nhiên, Tòa án có ghi nhận được ý kiến của ông Nguyễn Hoàng Tuấn là cha ruột của Nguyễn Trọng N2, qua làm việc lấy lời khai ông Tuấn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông N2 và bà N1 tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2014. Vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì ly thân, nguyên nhân là do bà N1 ghen tuông với ông N2, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay ý kiến ông N2 cũng đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu bà N1 nhưng do đi làm ở xa nên không về giải quyết được.

Về con chung: Ông N2 và bà N1 chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Trọng P – sinh ngày 29/5/2015, do bà N1 đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông N2 đồng ý giao cháu P cho bà N1 tiếp tục nuôi dưỡng, ông N2 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Do bị đơn ông Nguyễn Trọng N2 nhiều lần vắng mặt, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn bà N1 vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày. Bị đơn ông N2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà Nguyễn Thị Bích N1 được ly hôn với ông Nguyễn Trọng N2.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Trọng P cho bà N1 được quyền nuôi dưỡng, ông N2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N1 xác định không có, nếu ông N2 có tranh chấp thì tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Bích N1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Trọng N2, đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về việc “*Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt.

[2] Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh thực tế tại địa phương và ghi lời khai ông Nguyễn Hoàng Tuấn (cha ông N2) thì ông N2 vẫn còn sinh sống tại địa phương, ông N2 cũng biết về việc bà N1 nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông nhưng do đi làm ở xa nên không về để giải quyết cho nên Tòa án vẫn tiếp tục thụ lý, giải quyết và đưa vụ án ra xét xử vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, do ông N2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: giữa bà N1 và ông N2 trước đây tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, do tính tình vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xảy ra cự cãi, trong thời gian vợ chồng ly thân đến nay không tìm được biện pháp hàn gắn tình cảm để tiếp tục chung sống. Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời khai ông Nguyễn Hoàng Tuấn (cha ông N2) cho biết ông N2 cũng đồng ý ly hôn với bà N1. Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng ông N2 không về để tham dự. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà N1 được ly hôn với ông N2 là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông N2 và bà N1 có 01 con chung tên Nguyễn Trọng P – sinh ngày 29/5/2015, do bà N1 đang nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao cho bà N1 nuôi dưỡng là phù hợp và đúng theo nguyện vọng của cháu P. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do bà N1 không yêu cầu ông N2 cấp dưỡng nên Hội đồng không xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N1 xác định không có nhưng do Tòa án chưa trực tiếp ghi nhận được lời khai của ông N2 về vấn đề này cho nên nếu sau này ông N2 có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà N1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Căn cứ vào:**

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

### **Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Bích N1 được ly hôn với ông Nguyễn Trọng N2.

- Về con chung: Ông N2 và bà N1 có 01 con chung tên Nguyễn Trọng P – sinh ngày 29/5/2015, do bà N1 đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, tiếp tục giao cháu P cho bà N1 được quyền nuôi dưỡng, ông N2 không cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông N2, không ai có quyền cản trở. Bà N1 và ông N2 có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích N1 phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004474 ngày 30/5/2022 (công nhận đã nộp xong).

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

- Về quyền và N2 vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND phường F;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**NGUYỄN TRUNG HIẾU**